TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH** Bản án số: 124/2024/HNGĐ-ST Ngày: 29 - 11 - 2024 V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Đông Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Tiến Thấn

2. Bà Nguyễn Thị Thêu

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Minh Phương – Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Ông Đỗ Hải Bằng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2024/QĐXX-ST ngày 30 tháng 10 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 108/2024/QĐ-ST ngày 15/11/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Phương T,** sinh năm 1995

ĐKHK: thôn TL, xã HB, huyện VT, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: xóm 6, thôn H, xã MK, huyện VT, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Bùi Công S,** sinh năm 1993

ĐKHK: thôn TL, xã HB, huyện VT, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang lao động tại Đài Loan.

(chị T, anh S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại Đơn khởi kiện và Bản tự khai, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Phương T trình bày*:

Chị và anh Bùi Công S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HB, huyện VT, tỉnh Thái Bình ngày 02/3/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì anh S đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và do khoảng cách địa lý xa xôi, vợ chồng không có sự gần gũi, quan tâm đến nhau. Từ tháng 02/2024 đến nay chị và anh S đã cắt đứt mọi liên lạc với nhau, mỗi bên tự lo liệu cuộc sống riêng. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Công S.

Về con chung: Chị và anh Bùi Công Sơn có 01 con chung là Bùi Trà M, sinh ngày 01/01/2016, hiện con đang sống với chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con Bùi Trà M, chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh Bùi Công S tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn – anh Bùi Công S*: Toà án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án cho gia đình anh Bùi Công S nhưng anh S không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi đến Toà án.

** Bà Lê Thị L, sinh năm 1970, nơi cư trú: thôn Thắng Lợi, xã Hoà Bình, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (mẹ đẻ của anh Bùi Công S) trình bày:*

Về điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn giữa anh S và chị T như chị T đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh S, chị T chung sống cùng bà tại thôn TL, xã HB, quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Tháng 3/2018 anh S đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thế nào và nguyên nhân mâu thuẫn ra sao bà không nắm được. Từ tháng 5/2024 đến nay chị T đưa con gái về nhà ngoại ở xã MK, huyện VT sinh sống.

Anh S, chị T có 01 con chung là cháu Bùi Trà M, sinh ngày 01/01/2016. Bà nhất trí để cháu M sống với mẹ, trường hợp sau này chị T lập gia đình mới thì bà và anh S sẽ đón cháu về nuôi dưỡng. Đối với việc phân chia tài sản chung của anh S, chị T bà đề nghị để anh chị tự thoả thuận phân chia, bà không có ý kiến gì.

Hiên nay anh S đang lao động tại Đài Loan, bà không biết địa chỉ chính xác của anh S tại Đài Loan nhưng bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh S qua điện thoại và mạng xã hội. Bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Toà án gửi cho anh S và bà đã thông báo cho anh S nội dung các văn bản đó. Anh S nói với bà là anh nhất trí ly hôn với chị T; về con chung: chị T đề nghị Toà án giao con chung cháu Bùi Trà M cho chị T nuôi dưỡng, không đề nghị anh cấp dưỡng nuôi con chung, anh S cũng nhất trí; về tài sản chung anh không đề nghị Toà án giải quyết. Do hiện nay anh S đang lao động tại Đài Loan nên anh xin được vắng mặt tại phiên toà.

Bà L đề nghị Toà án tiếp tục gửi các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình giữa chị T và anh S cho bà để bà thông báo lại cho anh S.

* Cháu Bùi Trà M, sinh ngày 01/01/2016 (là con anh S, chị T) trình bày nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ.

** Công văn số 796/PA08 ngày 10/10/2024 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Thái Bình cung cấp:* Anh Bùi Công S xuất cảnh lần gần nhất ngày 04/3/2018, chưa có thông tin nhập cảnh vào Việt Nam.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình kết luận quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không tham gia tố tụng. Đề nghị: Áp dụng khoản 1 điều 228; khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn anh Bùi Công S.

- Về quan hệ con chung: Giao chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Bùi Trà M, sinh ngày 01/01/2016. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Toà án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn do đó xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Bùi Công S hiện đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự,

[2] Về tố tụng: Sau khi Toà án tiến hành thụ lý vụ án chị Nguyễn Thị Phương T xin ly hôn anh Bùi Công S theo thủ tục chung, chị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn như cung cấp các tài liệu chứng cứ và bản tự khai, đơn đề nghị Toà án không hoà giải, đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Bùi Công S đã được Toà án thông báo (qua thân nhân) các văn bản tố tụng của Toà án

nhưng anh S không có mặt theo yêu cầu của Toà án, không cung cấp bản tự khai và địa chỉ của anh tại Đài Loan cho Toà án. Toà án đã giao các văn bản cho thân nhân của anh S và niêm yết công khai các văn bản đó tại chính quyền địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh S tại Việt Nam để đảm bảo quyền tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho anh S. Tuy nhiên, anh S vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt chị Nguyễn Thị Phương T và anh Bùi Công S.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Phương T và anh Bùi Công S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/3/2015 tại UBND xã Hoà Bình, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, đến năm 2018 khi anh S đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do khoảng cách địa lý xa xôi, vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm phai nhạt. Từ tháng 02/2014 đến nay, chị T và anh S không còn liên lạc và quan tâm đến nhau, mỗi bên tự lo liệu cuộc sống riêng, chị T đã đưa con về nhà mẹ đẻ sinh sống. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh S đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh S là phù hợp pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Bùi Công S có 01 con chung là cháu Bùi Trà M, sinh ngày 01/01/2016, hiện con đang sống với chị T. Chị T đề nghị Toà án giao con cho chị nuôi dưỡng, cháu M cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Xét thấy, chị T có việc làm và thu nhập ổn định, anh S đang lao động tại nước ngoài, để đảm bảo ổn định cuộc sống và quyền lợi mọi mặt tốt nhất cho con chung, cần giao con Bùi Trà M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Toà án không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung. Toà án đã thông tin qua bà L (mẹ đẻ anh S) hướng dẫn anh S gửi văn bản trình bày quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng anh S không có văn bản trình bày, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về tài sản chung của anh chị trong vụ án này. Các đương sự có thể khởi kiện vụ án phân chia tài sản chung khi có yêu cầu.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Phương T, anh Bùi Công S có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn anh Bùi Công S.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Trà M, sinh ngày 01/01/2016, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Anh Bùi Công S có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh S, chị T có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000275 ngày 04/10/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Phương T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án. Anh Bùi Công S vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- UBND xã HB, huyện VT;
- Các đương sự;
- L- u hồ sơ;
- L- u HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Vũ Đông Giang